TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2021
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp và bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 711/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1995; Địa chỉ: tổ 3, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1988; HKTT: thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: tổ 3, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2020, bản tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Chị H và anh H chung sống được một thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột cãi nhau, Mâu thuẫn vợ chồng bản thân chị H và anh H đã tự hòa

giải, được gia đình hai bên khuyên bảo để quay về chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc, chị H và anh H không còn sự quan tâm chăm sóc cho nhau nên đã sống ly thân hơn ba năm nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh H không ai liên lạc và chủ động hòa giải. Chị H xác định giữa chị H và anh H không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị H và anh H chung sống không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc làm nên chị H xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Lê Ngọc H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị H được ly hôn với anh H. Về con chung; về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không có, nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thúy H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc H, sinh năm 1988; HKTT: thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: tổ 3, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của chị H nhận thấy: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh H và thực tế chị H và anh H đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, đồng thời Tòa án

đã nhiều lần triệu tập anh H để làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt thể hiện việc anh H không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Chị H trình bày về con chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H về việc "Ly hôn" với anh Lê Ngọc H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn với anh Lê Ngọc H.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001086 ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Nguyễn Thị Thúy H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số: 83, ngày 01/7/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Trung